

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 413/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/12/2024

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 469/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 543/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/11/2024; quyết định hoãn phiên tòa số 329/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/11/2024; giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Anh **Vũ Văn B**, sinh năm 1977

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay: Hàn Quốc

(Chị H có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, anh B được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Văn B tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/6/1997 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Bùi Đ lao động tại Hàn Quốc, thời gian đầu anh B liên lạc, sau đó anh Bùi C đứt liên lạc, không hỏi han, quan tâm đến chị mặc dù chị đang sinh sống cùng và chăm sóc mẹ đẻ anh B. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là: Vũ Thái B1, sinh ngày 31/8/1997 và Vũ Văn N, sinh ngày 24/2/2003 hiện hai con đã trưởng thành, tự lo cho cuộc sống của bản thân nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Do nguyên đơn chị H không cung cấp được địa chỉ của anh B tại Hàn Quốc. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh B là bà Nguyễn Thị N1 là mẹ đẻ của anh B, ông Vũ Văn Q và bà Đoàn Thị T là anh chị của anh B. Bà N1 cho biết, anh B vẫn liên lạc về gia đình, về điều kiện kết hôn giữa chị H và anh Bùi N2 chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018, anh Bùi Đ lao động tại Hàn Quốc, từ khi đi đến nay anh B chưa về thăm gia đình, không liên lạc hỏi han chị H. Đến nay, anh B có quan điểm đồng ý ly hôn chị H, tuy nhiên do không về nước để làm thủ tục ly hôn được, anh B đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án thông qua bà, bà sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh B được biết. Bà N1 đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, đã thông báo cho anh B được biết, hiện anh B không có địa chỉ cụ thể tại Hàn Quốc, cũng không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được. Về con chung: Anh B và chị H có 2 con chung là: Vũ Thái B1, sinh ngày 31/8/1997 và Vũ Văn N, sinh ngày 24/2/2003 hiện hai cháu đã trưởng thành, tự lo cho cuộc sống của bản thân nên anh B không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh B nhất trí.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.
- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án xử cho chị H được ly hôn anh B; chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp) và án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Bị đơn anh Bùi hiện đang sinh sống và làm việc Hàn Quốc; nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Về tố tụng: Chị H vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt, anh B được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh Bùi tự D tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày ngày 26/6/1997 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị H cho rằng sau khi anh Bùi Đ nước ngoài (năm 2018), anh B không liên lạc, không quan tâm, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Thông qua gia đình anh B xác định anh B đi Hàn Quốc đến nay 6 năm chưa về, không quan tâm đến mẹ con chị H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Chị H và anh B có 02 con chung là Vũ Thái B1, sinh ngày 31/8/1997 và Vũ Văn N, sinh ngày 24/2/2003; hiện hai con chung đã trưởng thành, tự lo cho cuộc sống của bản thân nên chị H, anh B không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét, giải quyết về con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Vũ Văn Bùi .

2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005173 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí

4. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hồng Đức, huyện Ninh Giang;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến

